

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2026
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Tuyết
2. Bà Lê Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2026/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc: “**Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Hải Đ**, sinh năm 1993; thường trú: Tổ 05, **xã C (thị trấn C, huyện C cũ)**, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên hệ: **Số G đường T, phường P, tỉnh Gia Lai**. Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Võ H**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Số C đường H, tổ E Hội T, phường P, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2026, bản tự khai ngày 29 tháng 01 năm 2026, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Phạm Thị Hải Đ trình bày:**

Chị và anh **Võ Hoàng S** chung với nhau từ năm 2015, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai** ngày 25 tháng 11 năm 2015. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, trong vài năm gần đây, chị và anh **Võ H** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do lối sống và tính cách của hai bên không hòa hợp. Vợ chồng thường xảy ra cãi vã, đời sống hai bên và các con bị ảnh hưởng

ng nghiêm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng đều không có kết quả. Hiện tại, chị và anh **Võ H** không còn tình cảm với nhau cũng như không còn chung sống với nhau, cuộc sống gia đình đã rơi vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị mong muốn được giải thoát. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Võ H**.

Chị và anh **Võ H** có 01 (một) con chung là cháu **Võ Phạm Băng B**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2016, cháu hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **B**, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện: Chị và anh **Võ Hoàng T** thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh **Võ H:**

Anh **Võ H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị **Phạm Thị Hải Đ** nhưng anh **H** không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

3. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai có ý kiến về thủ tục tố tụng cũng như nội dung vụ án như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị **Phạm Thị Hải Đ** chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn anh **Võ H**, việc chấp hành theo pháp luật tố tụng còn hạn chế.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Hải Đ** về yêu cầu ly hôn với anh **Võ H**; giao 01 (một) con chung là cháu **Võ Phạm Băng B**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2016 cho chị **Phạm Thị Hải Đ** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **Phạm Thị Hải Đ** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **Phạm Thị Hải Đ** và anh **Võ Hoàng kết H1** trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn **C**, huyện **C**, tỉnh **Gia Lai** ngày 25 tháng 11 năm 2015. Hôn nhân của anh chị tuân thủ theo các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, chị **Đ** yêu cầu giải quyết ly hôn với anh **H**, bị đơn cư trú trên địa bàn **phường P** nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh **Võ H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Hải Đ**, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như

tham gia phiên tòa nhưng anh **H** vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Theo thông tin xác minh, chính quyền địa phương không xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Phạm Thị Hải Đ** và anh **Võ H**. Tuy nhiên, từ lời khai của chị **Đ** cùng thực tế anh chị không cùng chung sống cho thấy giữa chị **Đ** và anh **H** đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng đến mức anh chị không thể tiếp tục duy trì hôn nhân. Theo đó việc quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau theo đúng tình nghĩa vợ chồng không thể thực hiện được và cuộc hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại về mặt pháp lý. Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị **Phạm Thị Hải Đ** và anh **Võ Hoàng phát S1** mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đ**, xử cho chị **Phạm Thị Hải Đ** được ly hôn với anh **Võ H**.

[3] Chị **Phạm Thị Hải Đ** và anh **Võ H** có 01 (một) con chung là cháu **Võ Phạm Băng B**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2016; cháu **B** có nguyện vọng chung sống với chị **Đ**. Xét nguyện vọng và thực tế cháu **B** hiện đang chung sống với chị **Đ**, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm sinh lý cho các con, căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu **Võ Phạm Băng B** cho chị **Phạm Thị Hải Đ** chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, phân chia tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị **Phạm Thị Hải Đ** không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

[4] Về án phí: Chị **Phạm Thị Hải Đ** phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Phạm Thị Hải Đ**

Chị **Phạm Thị Hải Đ** được ly hôn với anh **Võ H**

2. Về con chung: Giao 01 (một) con chung là **Võ Phạm Băng B**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2016 cho chị **Phạm Thị Hải Đ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị **Phạm Thị Hải Đ** phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001018 ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị **Phạm Thị Hải Đ** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 297 ngày 25/11/2015 - UBND thị trấn Chư Sê cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Thúy